ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 865 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 05 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Bắc Giang đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 2795/BXD- QHKT ngày 21/11/2017 của Bộ Xây dựng về việc thống nhất ý kiến Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Bắc Giang đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 954- CV/TU ngày 05/12/2017 của Tỉnh ủy Bắc Giang về việc thông báo ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Căn cứ Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 17/2017/QĐ - UBND ngày 9/6/2017 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của UBND thành phố Bắc Giang tại Tờ trình số 244/TTr-UBND ngày 28/11/2017, Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 375/BC-SXD ngày 01/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Bắc Giang đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, với các nội dung như sau:

1. Phạm vi nghiên cứu, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

CHỮ KÝ SỐ CQNN TỈNH BẮC GIANG
Ủy ban Nhân dân tỉnh
Ngày: 06/12/2017 10:42:15
Tỉnh Bắc Giang

a) Phạm vi nghiên cứu, ranh giới

- Phạm vi nghiên cứu trực tiếp bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên thành phố Bắc Giang hiện hữu (10 phường và 06 xã) và thêm 08 xã và 01 thị trấn, bao gồm: Tiền Phong, Nội Hoàng, Hương Gián, Tân Liễu, thị trấn Tân Dân (huyện Yên Dũng); Tăng Tiến (huyện Việt Yên); Xuân Hương, Tân Dĩnh, Thái Đào (huyện Lạng Giang).

- Ranh giới:

+ Phía Bắc: Giáp huyện Tân Yên;

+ Phía Nam: Giap huyện Yên Dũng;

+ Phía Đông: Giáp huyện Lạng Giang;

+Phía Tây: Giáp huyện Việt Yên.

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: khoảng 14.397,9 ha;

b) Quy mô dân số:

- Quy mô dân số đến năm 2025: Khoảng 320.000 người;

- Quy mô dân số đến năm 2035: Khoảng 372.000 người.

2. Tính chất

- Là đô thị trung tâm phía Đông Bắc của Vùng thủ đô Hà Nội, cửa ngõ xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận - trung chuyển hàng hóa của Vùng thủ đô Hà Nội;

- Là thành phố đô thị tỉnh ly, trung tâm chính trị - kinh tế, văn hóa- xã hội và khoa học kỹ thuật của tỉnh Bắc Giang;

- Có vị trí chiến lược quan trọng về an ninh quốc phòng;

- Là Trung tâm du lịch nghỉ dưỡng sinh thái - Trung tâm đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các Khu công nghiệp và xuất khẩu lao động phía Đông Bắc Vùng thủ đô Hà Nội.

3. Chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật

Các chỉ tiêu tính toán chính của đồ án được lấy theo chỉ tiêu đô thị loại I của Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam về Quy hoạch xây dựng QCXDVN 01:2008.

4. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng cơ cấu sử dụng đất

STT	Danh mục sử dụng đất	Đến năm 2025		Đến năm 2035		
		Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m^2)/ng
I	**Tổng cộng đất toàn khu**	**14.397,90**	**100,0**	**14.397,90**	**100,0**	
-	Đất khu vực nội thành	7.145,0	49,6	10425,80	72,4	
-	Đất ngoại thành	7.252,9	50,4	3972	27,6	

II	**Đất khu vực nội thành (A+B)**	**7.145,0**		10426		
A	***Đất xây dựng***	***4.532,7***	***100,0***	***6.495,3***	***100,0***	
A1	*Đất dân dụng*	*3.203,0*	*70,7*	4224	*93,2*	106,8
1	Đất đơn vị ở	2.250,2	49,6	*2981,3*	65,8	75,0
-	*Đất ở hiện trạng*	*1.487,76*		*719,70*		148,8
	Đất ở làng xóm đô thị hóa			*1.270,02*		
-	*Đất ở xây mới*	*727,90*		*953,40*		36,4
-	*Đất trường THCS*	*34,53*		*38,18*		
2	Đất công trình công cộng đô thị	196,8	4,3	298,7	6,6	6,6
3	Đất cây xanh - công viên - TDTT	266,0	5,9	415,5	9,2	8,9
4	Đất giao thông đô thị	490,0	10,8	528,2	11,7	16,3
A2	*Đất ngoài dân dụng*	*1.329,7*	*29,3*	*2.271,6*	*50,1*	
1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	67,0	1,5	*73,0*	1,6	
2	Đất công nghiệp	255,7	5,6	647,6	14,3	
	Đất trung chuyển hàng hóa			52,6	1,2	
3	Đất giáo dục, trường đào tạo	106,6	2,4	137,1	3,0	
4	Đất Y tế	85,9	1,9	85,9	1,9	
5	Đất TM-dịch vụ hỗn hợp	172,3	3,8	*194,3*	4,3	
6	Đất tôn giáo, cơ sở văn hóa, di tích	26,8	0,6	27,8	0,6	
7	Đất du lịch	84,3	1,9	249,2	5,5	
	Đất làng sinh thái			144,2	3,2	
8	Đất giao thông đối ngoại	450,2	9,9	551,0	12,2	
9	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	50,4	1,1	70,4	1,6	
10	Đất An ninh, quốc phòng	11,8	0,3	16,8	0,4	
11	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	18,7	0,4	21,7	0,5	
B	***Đất khác***	***2.612,3***		3930,5		
1	Đất cây xanh sinh thái, cây xanh chuyên đề	330,0		330		
2	Đất xây xanh cách ly	269,1		275,0		
3	Sông suối, mặt nước chuyên dùng	751,5		752,0		
3	Đất đồi núi	279,7		1410		
4	Đất nông nghiệp và các loại đất khác	620,0		1020		
5	Đất bến bãi, VLXD	42,0		125		
6	Đất dự trữ,đất chưa sử dụng	320,0		18,5		
III	**Đất khu vực ngoại thành**	**7.252,9**		**3.972,6**		
A	**Đất xây dựng**	**2.587,4**		**818,6**		

1	Đất khu dân cư nông thôn	1.236,6		404,7		
-	*Đất ở hiện trạng*	919,3		258		
-	*Đất ở xây mới*	317,3		147		
3	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	7,1		1		
4	Đất công nghiệp	366,4		177		
5	Đất trung chuyển hàng hóa	8,3		0		
6	Đất bến bãi, VLXD	81,3		24		
7	Đất Giáo dục, trường đào tạo cấp vùng	22,8		18		
8	Đất cây xanh,TDTT cấp vùng	159,4		10		
9	Đất CTCC - TMDV cấp vùng	80,6		11		
10	Đất hỗn hợp	62,4		26		
11	Đất du lịch	154,8		10		
12	Đất tôn giáo, cơ sở văn hóa, di tích	61,20		2		
13	Đất giao thông đối ngoại	280,0		118		
14	Đất hạ tầng kỹ thuật	27,0		7		
15	Đất An ninh, quốc phòng	25,20		0		
16	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	14,3		11		
B	**Đất khác**	**4.665,5**		**3154**		
17	Đất cây xanh sinh thái, cây xanh chuyên đề	306,2		306		
18	Sông suối, mặt nước chuyên dùng	454,1		454		
19	Đất nông nghiệp	2.440,0		2040		
20	Đất đồi núi	1.130,4		0		
21	Đất dự trữ phát triển, đất chưa sử dụng	334,9		354		

5. Điều chỉnh định hướng phát triển không gian và hướng phát triển đô thị

a) Các hướng phát triển

- Hướng 1: Phát triển về phía Nam, Đông Nam về các xã Tân Tiến, Đồng Sơn, Hương Gián, Nội Hoàng, Tiền Phong và một phần xã Song Khê, phát triển khu đô thị gắn với dịch vụ trung chuyển hàng hóa, khu đô thị đào tạo, các khu sinh thái và nông nghiệp công nghệ cao gắn với khu du lịch núi Nham Biền và văn hóa tâm linh;

- Hướng 2: Phát triển về phía Tây, tại các phường, xã Mỹ Độ, Tân Mỹ, Tăng Tiến và một phần xã Song Khê gắn với khu đô thị tổng hợp, dịch vụ y tế, văn hóa gắn công nghiệp chất lượng cao;

- Hướng 3: Phát triển theo hướng Bắc, Tây Bắc về phía các phường, xã: Đa Mai, Song Mai, Xuân Hương. Phát triển khu đô thị sinh thái, trung tâm nông nghiệp công nghệ cao, các khu du lịch gắn với đồi Quảng Phúc;

- Hướng 4: Phát triển theo hướng Đông và Đông Bắc về các xã Tân Dĩnh, Dĩnh Trì, Thái Đào và thị trấn Tân Dân hình thành khu dịch vụ đầu mối và trung chuyển tại giao điểm đường vành đai V và cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, xã Thái Đào hình thành trung tâm dịch vụ cửa ngõ về dịch vụ nông sản gắn với QL 31 giao với vành đai V vùng thủ đô. Tại Tân Dân phát triển đô thị dịch vụ gắn với tuyến du lịch Tây Yên Tử và du lịch văn hóa tâm linh chùa Vĩnh Nghiêm.

b) Phân vùng phát triển không gian đô thị: Toàn thành phố mở rộng chia làm 9 khu vực phát triển, gồm:

- Khu số 1: Khu đô thị trung tâm; tổng diện tích: 1.865,4ha, chiếm tỷ lệ 13,0%;

Gồm các khu chức năng: Khu dân cư hiện trạng thuộc các phường Trần Nguyên Hãn, Thọ Xương, Ngô Quyền, Trần Phú, Lê Lợi, Hoàng Văn Thụ, khu dân cư số 1, 2 thuộc xã Xương Giang, Dĩnh Kế; Khu đô thị Đông Bắc; Nhà máy đạm Hà Bắc và các cụm công nghiệp nhỏ hiện có trong thành phố; Khu vực cây xanh, không gian đệm.

- Khu số 2: Khu vực phía Nam đường Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang; tổng diện tích: 1.706,6ha, chiếm tỷ lệ 11,85%;

Gồm các chức năng: Khu đô thị phía Nam; Khu trung tâm dịch vụ trung chuyển phía Nam; Khu trụ sở cơ quan mới; Khu trung tâm đào tạo; Khu hỗn hợp dịch vụ nhà ở sinh thái, công viên, vui chơi giải trí; Khu công viên đô thị phía Nam; Khu dân cư hiện trạng xã Tân Tiến, Dĩnh Kế, Hương Gián, khu dân cư mới Hương Gián và Xuân Phú, khu trung tâm thể dục thể thao tỉnh Bắc Giang.

- Khu số 3: Khu vực phía Tây Nam; tổng diện tích: 1.498,2 ha, chiếm tỷ lệ 10,4%;

Gồm các chức năng: Khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng; Khu trung tâm Logistic quốc tê Bắc Giang, khu trung chuyển hàng hóa gắn cảng Đồng Sơn; Khu dịch vụ thương mại hỗn hợp; khu trạm dựng nghỉ; Khu dân cư Tiền Phong; Khu nhà ở sinh thái; Một phần khu công nghiệp Vân Trung, Việt Hàn; Khu dân cư hiện trạng thuộc các xã Song Khê, Nội Hoàng, Tiền Phong, Đồng Sơn, Tân Liễu.

- Khu số 4: Khu vực phía Tây trung tâm đô thị hiện hữu; tổng diện tích: 1.903,3ha, chiếm tỷ lệ 13,22%;

Gồm các khu chức năng: Trung tâm văn hóa và dịch vụ thương mại tổng hợp; Công viên đô thị phía Tây; Trung tâm y tế; các khu dân cư và cụm công nghiệp hiện trạng tại phường Mỹ Độ, xã Tân Mỹ, Song Khê, phường Đa Mai, xã Song Mai, xã Tăng Tiến; Khu dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao phía Bắc; Khu vực công viên nông nghiệp tại phường Đa Mai; Khu đô thị mới phía Tây; Nhà máy xử lý chất thải rắn.

- Khu số 5: Khu vực phía Bắc; tổng diện tích: 727,7ha, chiếm tỷ lệ 5,05%;

Gồm các khu chức năng: Khu du lịch sinh thái, khu nhà ở sinh thái, Bệnh viện Lao Phổi, Bệnh viện tâm thần, Trung tâm điều dưỡng người cao tuổi, khu

lâm nghiệp núi Nghĩa Trung, đồi Quảng Phúc, khu thực nghiệm nông nghiệp, khu dân cư hiện trạng xã Song Mai.

- Khu số 6: Khu vực phía Đông Bắc; tổng diện tích: 718,7ha, chiếm tỷ lệ 5 %; Được hình thành song song với việc hoàn thiện đường Vành đai V;

Gồm các trung tâm đầu mối thương mại, dịch vụ hàng; khu ga đường sắt mới, kho tàng bến bãi; Khu logistics; Khu dân cư và cụm công nghiệp hiện trạng tại xã Tân Dĩnh.

- Khu số 7: Khu vực núi Nham Biền; tổng diện tích: 1.492,97ha, chiếm tỷ lệ 10,37%;

Gồm các chức năng: Trung tâm đón tiếp, dịch vụ du lịch, Khu sân golf và dịch vụ nghỉ dưỡng; Khu sinh thái lâm nghiệp núi Nham Biền, du lịch sinh thái núi, khu du lịch tâm linh, khu Bệnh viện nghỉ dưỡng.

- Khu số 8: Khu dân cư nông thôn và vùng canh tác nông nghiệp; tổng diện tích: 3105,3ha, chiếm tỷ lệ 21,56%;

Gồm các khu chức năng: khu vực nông nghiệp, làng xóm hiện trạng, công trình công cộng, tôn giáo hiện có; Khu vực hành lang bảo vệ sông Thương, các không gian dự trữ phát triển.

- Khu số 9: Khu vực phía Đông; tổng diện tích: 1.379,77ha, chiếm tỷ lệ 9,6%; Là khu dân cư hình thành trên cơ sở phát triển thị trấn Tân Dân và khu vực xã Thái Đào dọc QL31 giao với Vành đai V vùng thủ đô.

+ Khu vực thuộc xã Thái Đào hình thành trung tâm dịch vụ cửa ngõ về dịch vụ nông sản gắn với QL 31 giao với vành đai V vùng thủ đô; kết nối, hình thành tuyến du lịch đi Hồ Cấm Sơn - Khuôn Thần huyện Lục Ngạn, các khu vực dân cư hiện hữu, các công trình công cộng cơ quan hiện trạng cải tạo;

+ Khu vực thị trấn Tân Dân phát triển đô thị dịch vụ gắn với tuyến du lịch Tây Yên tử và du lịch văn hóa tâm linh chùa Vĩnh Nghiêm. Tổ chức các cụm dịch vụ dọc tuyến đường tỉnh 293 và 299, xây dựng công viên cảnh quan bổ trợ cho công viên cây xanh của thành phố.

c) Định hướng phát triển các khu chức năng đô thị

- Khu vực phát triển dân cư: Xác định đến năm 2035, phát triển dân cư tại 7 khu vực chính:

+ Khu số 1: Gồm các phường Trần Nguyên Hãn, Thọ Xương, Lê Lợi, Trần Phú, Ngô Quyền, Hoàng Văn Thụ, Xương Giang và một phần phường Dĩnh Kế

Tính chất : là khu vực Thành phố cũ dân cư đông đúc và tập trung dọc các trục phố chính. Nhà ở chủ yếu là nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ, nhà chia lô;

Hướng cải tạo: Hạn chế xây dựng thêm nhà ở trong khu vực dân cư nội thị cũ, tăng cường cây xanh, không gia tăng mật độ xây dựng. Xây dựng xen cấy một số khu dân cư với loại hình nhà ở liền kề, nhà biệt thự. Xây dựng bổ sung một số công trình hỗn hợp, dịch vụ công cộng, vườn hoa trên cơ sở tái sử dụng

quỹ đất do di dời một số nhà máy xí nghiệp và di chuyển một số cơ quan trên đường Nguyễn Văn Cừ, Xương Giang,... Cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

+ Khu số 2: Khu vực phía Nam đường QL1, thuộc khu vực phường Dĩnh Kế, xã Tân Tiến, Hương Gián

Tính chất: Là khu dân cư hình thành trên cơ sở phát triển các loại hình dịch vụ thương mại hậu cần cho dịch vụ trung chuyển và trung tâm đào tạo. Các loại hình nhà ở gồm: nhà chung cư, nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại, ký túc xá sinh viên, nhà biệt thự, nhà ở sinh thái.

+ Khu số 3: Khu vực phía Nam đường QL1, thuộc khu vực xã Song Khê, Đồng Sơn, Tiền Phong

Tính chất: Là khu dân cư hình thành trên cơ sở phát triển khu trung chuyển hàng hóa, công nghiệp và thị trấn Tiền Phong. Các loại hình nhà ở gồm: nhà chung cư, nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại, nhà vườn sinh thái.

+ Khu số 4: Khu vực phía Tây, thuộc khu vực phường Mỹ Độ, phường Đa Mai, một phần xã Tân Mỹ, xã Song Khê, xã Song Mai, xã Tăng Tiến

Tính chất: Là khu đô thị thương mại, dịch vụ tổng hợp phía Tây nam thành phố. Khu ở được xây dựng theo mô hình nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại, nhà ở liền kề và nhà biệt thự dạng song lập.

+ Khu số 5: Khu vực phía Bắc, giáp núi Nghĩa trung, đồi Quảng Phúc, thuộc xã Song Mai. Tổ chức mô hình dạng nhà vườn sinh thái

+ Khu số 6: Khu vực phía Đông thuộc thị trấn Tân Dân và xã Thái Đào

Tính chất: Là khu mới hình thành trên cơ sở phát triển thị trấn Tân Dân và khu vực xã Thái Đào. Tổ chức mô hình ở kết hợp dịch vụ thương mại, du lịch tại thị trấn Tân Dân vàở kết hợp dịch vụ nông nghiệp tại xã Thái đào dọc QL31 giao với vành đai V vùng thủ đô;

+ Khu dân cư làng xóm ngoại thị khác: Các khu vực dân cư nông thôn còn lại. Các loại hình nhà ở gồm: nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại, nhà ở nông thôn, nhà vườn sinh thái.

- Khu vực phát triển công nghiệp, trung chuyển hàng hóa

+ Cụm Công nghiệp, gồm: Thọ Xương với quy mô 4,06ha; Xương Giang II với quy mô 10,37ha; Tân Mỹ quy mô 10,7ha; Bãi Ổi, Dĩnh Trì với quy mô 12ha; Dĩnh Trì với quy mô hiện trạng 7,33ha, mở rộng 6ha; Làng nghề Đa Mai với quy mô 6ha. Tiểu thủ công nghiệp Xương Giang: 6,2ha. Tân Dân với quy mô hiện trạng 5,04ha. Nội Hoàng với quy mô hiện trạng 57,6ha; Tân Dĩnh-Phi mô với quy mô 20ha. Xuân Hương quy hoạch 38,4ha; Tiền Phong quy hoạch khoảng 16ha.

+ Khu công nghiệp: KCN Song Khê - Nội Hoàng với quy mô hiện trạng 178ha; KCN Vân trung với quy mô 350ha. Diện tích nằm trong ranh giới dự kiến mở rộng thành phố Bắc Giang khoảng 150ha. KCN Việt Hàn với quy mô toàn khu công nghiệp 200ha. Diện tích nằm trong ranh giới dự kiến mở rộng thành phố Bắc Giang khoảng 50ha.

+ Nhà máy Đạm: Quy mô hiện trạng khoảng 74ha.

+ Các khu vực sản xuất gây ô nhiễm của một số nhà máy xí nghiệp nhỏ lẻ rải rác trong khu vực nội thị và tại các cụm công nghiệp nằm trong khu vực nội thị trong tương lai dần được chuyển đổi thành cơ sở giao dịch, giới thiệu sản phẩm của nhà máy, kho bãi, cơ sở dịch vụ sửa chữa dân dụng phục vụ đô thị...

+ Khu vực trung chuyển hàng hóa: Tổ chức khu trung chuyển hàng hóa tại vị trí thuận lợi cho việc quá cảnh hàng hóa và tiếp cận kinh doanh dọc theo tuyến giao thông chính của vùng Hà Nội và nội bộ tỉnh Bắc Giang, gồm:

* Khu Hạ tầng, kho bãi logistics quốc tế thành phố Bắc Giang với quy mô khoảng 70ha.

* Khu Logistics gắn với cảng Đồng Sơn và đường QL37 kéo dài với quy mô khoảng 11,5ha.

* Khu Logistic gắn với ga hàng hóa mới tại đường vành đai V vùng thủ đô với quy mô khoảng 72ha.

* Khu kho cảng gắn với cảng Đồng Sơn quy mô khoảng 26ha.

d) Quy hoạch hệ thống trung tâm và phân bố các công trình công cộng

- Trung tâm hành chính:

+ Trung tâm hành chính tỉnh: Trước mắt giữ tại vị trí hiện nay trên trục đường Hùng Vương. Dự kiến xây dựng nhà liên cơ trên khu vực đất Công ty TNHH MTV Quốc tế VietPan Pacific với quy mô khoảng 2,6ha tại đường Xương Giang;

+ Khu cơ quan hành chính cấp tỉnh: Quy hoạch một số cơ quan ban ngành của tỉnh sang khu vực phía Nam, trên đường Hùng Vương - Tây Yên Tử;

+ Trung tâm hành chính cấp thành phố: Quy hoạch tại khu phía Nam (đối diện Big C), vị trí hiện nay trên đường Ngô Gia Tự sẽ chuyển đổi thành đất ở, hỗn hợp.

- Trung tâm văn hóa: Duy trì nâng cấp các công trình: Bảo tàng, thư viện tỉnh. Quảng trường 3/2 và Hội trường đa năng. Xây mới trung tâm văn hóa gồm nhà hát thành phố, rạp chiếu phim tại phường Mỹ Độ, quy mô 7ha. Xây mới cung triển lãm thành phố; Các trung tâm văn hóa cấp phường được xây dựng trong các khu đô thị mới quy mô 0,5ha/nhà văn hóa.

- Trung tâm y tế, giáo dục, các cơ quan

+Về y tế: Duy trì, nâng cao chất lượng hệ thống bệnh viện đang hoạt động, tạo hành lang pháp lý để các bệnh viện tư nhân hoạt động thuận tiện và có kiểm soát. Nâng cấp, cải tạo các trung tâm y tế cấp phường hiện có, bổ sung xây mới các trung tâm y tế tại các khu đô thị mới. Xây mới trung tâm điều dưỡng tại khu vực đồi Quảng Phúc, quy mô khoảng 5ha;

Đề xuất quy hoạch xây dựng bệnh viện nghỉ dưỡng chăm sóc sức khỏe 500 giường tại khu vực núi Nham Biền, xã Tân Liễu; trung tâm dưỡng lão tỉnh

Bắc Giang nhằm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, đặc biệt là các đối tượng già yếu, không nơi nương tựa.

+ Về đào tạo: Giữ nguyên vị trí, quy mô, hoàn thiện nâng cấp các trường cao đẳng, trung cấp và trung tâm hướng nghiệp. Quy hoạch mạng lưới trường trung học đảm bảo bán kính phục vụ cho dân cư đô thị. Duy trì hệ thống 5 trường THPT hiện trạng để đảm bảo phục vụ cho dân cư hiện hữu; định hướng xây mới trường THPT quy mô khoảng 1,5-2,5 ha/trường tại các vị trí quy hoạch đất công cộng, đảm bảo quy mô phục vụ 15.000 đến 25.000 dân phát triển mới/1 trường.

- Trung tâm thương mại dịch vụ.

+ Chợ đầu mối: Hình thành chợ đầu mối nông sản cấp vùng là trung tâm tập trung hàng hóa, sản phẩm của tỉnh và vùng lân cận, trung tâm giao thương, bán buôn tập kết hàng hóa và phát luồng phân phối đến các vùng, địa phương khác hoặc xuất khẩu. Bố trí gắn kết với các trung tâm trung chuyển hàng hóa, cảng cạn ICD tại khu vực xã Tân Dĩnh;

+ Trung tâm hội chợ triển lãm: Dự kiến tại phía Nam khu đô thị phía Nam, gắn với công viên văn hóa phía Nam. Cấu trúc của Trung tâm hội chợ, triển lãm bao gồm chủ yếu các khu như: Khu trưng bày, giới thiệu hàng hoá; Khu dịch vụ; khu quản lý của Trung tâm;

+ Xây dựng hệ thống siêu thị và trung tâm thương mại để cung ứng cho hệ thống thị trường hàng tiêu dùng nội tỉnh và các khu vực lân cận của vùng: Dự kiến xây dựng mới 6 siêu thị trong đó có 3 siêu thị hạng 1 quy mô 1-1,5ha/siêu thị; Dự kiến 11 trung tâm thương mại bố trí tại trục trung tâm 3 khu đô thị lớn: Khu đô thị trung tâm, khu đô thị phía nam và khu đô thị phía Tây.... Tổ chức các khu vực xây dựng các văn phòng làm việc của các tập đoàn, tổng công ty đặt trụ sở đầu mối và chi nhánh tại trung tâm các khu vực phát triển mới nhằm thu hút tài chính và các dịch vụ đi kèm;

+ Xây dựng mạng lưới chợ nội thị (trên cơ sở đầu tư nâng cấp các chợ hiện nay trong nội thị cũ, chợ xây mới trong các đô thị mới), quy mô: 0,5-1ha/1chợ;

+ Xây dựng các trung tâm khu vực để thu mua nông sản khu vực tạo thuận lợi cho nông dân tiêu thụ hàng hóa gắn với các khu dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao ở phía Tây Bắc và phía Đông Nam,quy mô 1-1,5ha/chợ.

e) Quy hoạch hệ thống cây xanh, thể dục thể thao, mặt nước

- Công trình thể dục thể thao:

+ Hình thành trung tâm thể dục thể thao cấp Tỉnh tại phía Đông Nam giáp ĐT293, quy mô khoảng 45ha gồm sân vận động trung tâm, nhà thi đấu, khu thể thao dưới nước, sân thi đấu ngoài trời ...;

+ Chuyển đổi các công trình thể thao cấp tỉnh cũ về thành phố: Sân vận động thành phố sẽ giữ làm điểm di tích lịch sử gắn với không gian xanh, công

viên thể dục thể thao cho khu ở. Bổ sung trung tâm thể dục thể thao, nhà thi đấu cấp tỉnh tại khu vực phường Dĩnh Kế và xã Dĩnh Trì.

- Công viên cây xanh:

+ Hoàn thiện công viên Hoàng Hoa Thám hiện có. Xây mới 4 công viên lớn tại: (1) hữu ngạn sông Thương - Công viên phía Tây, khu vực đầu cầu từ chợ Thương sang đô thị phía Tây gắn với kênh Cống Bún; (2) Công viên phía Nam Trên trục ĐT293 gắn với sông Thương và khu đô thị phía Nam. Hình thành các khu công viên đô thị gắn kết với không gian mặt nước tự nhiên tại các khu đô thị; (3) Trong khu vực lõi khu nhà ở sinh thái dịch vụ Tân Tiến, hình thành dựa trên điều kiện cảnh quan tự nhiên nông nghiệp sinh thái gắn với vui chơi giả trí thể thao; (4) Khu vực thị trấn Tân Dân hình thành công viên đô thị gắn với điều hòa cảnh quan mặt nước, kết hợp trưng bày giới thiệu nông sản địa phương trên tuyến du lịch Tây Yên Tử và chùa Vĩnh Nghiêm;

+ Hình thành vùng không gian xanh hai bên sông Thương kết hợp với các không gian xanh phục vụ khu ở và các không gian dịch vụ thương mại khai thác theo mùa đoạn qua khu trung tâm, tạo nên nét đặc trưng cho trung tâm thành phố. Hình thành các công viên chức năng dọc theo hai bên bờ sông Thương, nâng cao hình ảnh đô thị đồng thời kết nối với các khu chức năng lân cận;

+ Hình thành các khu công viên vui chơi giải trí, học tập, nghỉ dưỡng, công viên nông nghiệp khai thác các vùng trũng tại ngòi Đa Mai, tuyến mặt nước phía Nam nối với trạm đầu mối Văn Sơn và các tuyến cảnh quan, thương mại nhà hàng và tuyến du lịch kết nối phía Bắc và phía Nam sông Thương;

+ Tổ chức các công viên, vườn hoa nhỏ trong các khu đô thị, kết nối với các công viên đô thị và không gian xanh hai bên sông Thương, vùng sinh thái nông nghiệp công nghệ cao đan xen giữa các khu chức năng hình thành nên một mạng lưới cây xanh liên hoàn của toàn thành phố.

f) Khu vực dân cư nông thôn hiện hữu và phát triển nông nghiệp

- Các khu vực dân cư làng xóm hiện hữu tuân thủ các định hướng lớn của đô thị và triển khai theo quy hoạch. Dựa vào điều kiện tự nhiên cần bảo tồn tôn tạo các cấu trúc làng xóm hiện hữu có giá trị, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đấu nối với hạ tầng khung của đô thị và khu vực. Phát huy hiệu quả các quỹ đất nông nghiệp.

- Xây dựng 02 trung tâm nghiên cứu, đào tạo chuyển giao công nghệ nông nghiệp (sản xuất bằng công nghệ sinh học và bằng các phương pháp hữu cơ, xây dựng dây chuyền sản xuất, phân phối khép khín,...):

+ Trung tâm dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao phía Tây Bắc quy mô khoảng 48ha gắn với khu thực nghiệm nông nghiệp công nghệ cao tại xã Song Mai;

+ Phát triển vùng nông nghiệp chất lượng cao tại khu vực xã Xuân Hương.

g) Các khu vực du lịch sinh thái

- Hình thành 02 khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch núi và sinh thái

nông nghiệp trên địa bàn thành phố: Phía Bắc quy hoạch Khu du lịch sinh thái gắn với đồi Quảng Phúc và núi Nghĩa Trung. Phía Nam quy hoạch khu du lịch núi Nham Biền.

- Quy hoạch khu trung tâm đón tiếp dịch vụ du lịch kết hợp nghỉ dưỡng sinh thái làng bản đặc trưng gắn với cảnh quan núi và sân golf tại khu vực xã Nội Hoàng, Tiền Phong, phía Nam đường QL37 nối dài;

- Quy hoạch cụm du lịch kết hợp nghỉ dưỡng sinh thái gắn với cảnh quan núi và thiền viện trúc lâm và 01 bệnh viện nghỉ dưỡng trên núi tại khu vực xã Tân Liễu.

6. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. Định hướng giao thông: Cập nhật đồ án quy hoạch hệ thống giao thông thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt và định hướng quy hoạch thêm phần mở rộng diện tích quy hoạch có tính kết nối với các đô thị xung quanh như đô thị Việt Yên, thị trấn Vôi thuộc huyện Lạng Giang và thị trấn Neo thuộc huyện Yên Dũng tạo động lực phát triển, giao thông thuận tiện, thông suốt; đồng thời rà soát, vi chỉnh hướng tuyến giao thông chính nhằm hạn chế BTGPMB, đảm bảo phương án quy hoạch hiệu quả, khả thi; cụ thể như sau:

a) Giao thông đối ngoại:

- Điều chỉnh lại hướng tuyến vành đai V Thủ đô do một số đoạn đi qua khu dân cư hiện hữu tại xã Dĩnh Trì, Xuân Hương và Thái Đào;

- Xây dựng bổ sung các tuyến đường kết nối từ thành phố tới các huyện Lạng Giang bằng tuyến song song QL1A cũ về phía Tây lên thị trấn Vôi; quy hoạch tuyến đường kết nối tới trung tâm huyện Việt Yên từ tuyến vành đai II thành phố tại phường Đa Mai, qua phía Nam núi Nghĩa Trung, tới thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên; định hướng quy hoạch tuyến đường kết nối tới trung tâm thị trấn Neo, huyện Yên Dũng tại tuyến vành đai 2 qua cầu Tân Liễu.

b) Giao thông đô thị:

- Cập nhật bổ sung các hướng tuyến giao thông, hệ thống bến xe, bãi đỗ xe theo Quy hoạch chuyên ngành hệ thống giao thông thành phố đến năm 2030 và các đồ án Quy hoạch phân khu đã được UBND tỉnh phê duyệt, đảm bảo an toàn kỹ thuật và tránh đi qua khu dân cư hiện trạng;

- Quy hoạch hệ thống giao thông tại khu vực nội thành trong tương lai theo chuẩn đô thị loại I trực thuộc tỉnh, đảm bảo mật độ đường (tính đến đường khu vực) đạt 4,5÷5km/km^2; tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng khu vực nội thành đạt trên 20%.

c) Giao thông đường thủy, đường sắt: Tuân thủ các định hướng Quy hoạch chuyên ngành hệ thống giao thông thành phố đến năm 2030.

6.2. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật

a) Hệ thống công trình phòng chống lũ:

- Hoàn thiện và duy tu các tuyến đê sông Cầu, sông Thương đảm bảo tiêu chuẩn chống lũ;

- Xây dựng hệ thống hồ điều tiết trong thành phố và vùng thượng nguồn sông Cầu, sông Thương;

- Tăng cường mặt phủ xanh, rừng phòng hộ đầu nguồn. Tăng cường công tác quản lý quản lý hành lang bảo vệ đê điều, tình trạng khai thác VLXD trong lòng sông, bãi sông, làm ảnh hưởng dòng chảy thoát lũ và môi trường nước sông Cầu, sông Thương.

b) Nền xây dựng:

- Khu vực phát triển mới:

+ Khu cây xanh, công viên: Hmin≥+4,2m;

+ Khu ở, trung tâm dịch vụ công cộng: Hmin≥+4,5m;

+ Khu công nghiệp, trung tâm hậu cần: Hmin≥+4,7m;

+ Độ dốc nền đắp tối thiểu: I nền ≥0,004, đảm bảo thoát nước tự chảy;

+ Độ dốc đường tối đa với các khu vực có độ dốc địa hình lớn: Imax≤8%;

- Khu vực cải tạo:

+ Khu vực có mật độ xây dựng cao, không có điều kiện tôn tạo nền, quy hoạch giải pháp thoát nước đấu nối với hệ thống của thành phố, tránh ngập úng cục bộ;

+ Khu vực xây dựng xen cấy hạn chế đào đắp, nền sân vườn cần hài hòa với nền hiện trạng xung quanh (Hnền: 4÷4,2m), nền công trình mới Hmin≥+4,5m, đồng thời cần tổ chức các tuyến thoát nước quanh khu vực xây mới, tránh gây ngập úng cục bộ cho khu vực hiện trạng.

c) Thoát nước mặt

- Quy hoạch mới hệ thống thoát nước đảm bảo các hệ số tiêu:

+ Tiêu cho đô thị và công nghiệp: Giai đoạn 2017- 2020: q(12÷15) l/s/ha. Giai đoạn sau 2020: q(15÷20) l/s/ha;

+ Tiêu cho nông nghiệp: Giai đoạn 2017-2020: q(7÷8) l/s/ha. Giai đoạn sau 2020: q(8÷10) l/s/ha;

- Trên cơ sở diện tích tự nhiên thành phố mở rộng, quy hoạch thành 17 lưu vực thoát về 17 trạm bơm tiêu. Trong đó: khu vực Hữu Thương có 6 lưu vực, Tả Thương gồm 11 lưu vực;

- Quy hoạch hệ thống hồ điều tiết nước mặt, hệ thống kênh mương và trạm bơm tiêu úng. Tận dụng tối đa các trục tiêu thoát tự nhiên hiện có. Kè bờ hồ và các trục tiêu hở, đảm bảo dòng chảy không bị lấn chiếm và đảm bảo sinh thái và tiêu thoát nước bền vững. Thiết lập hành lang bảo vệ kênh tiêu, kết hợp tạo cảnh quan, công viên, khu vui chơi giải trí hai bên bờ. Xây dựng hệ thống hồ điều tiết tại thị trấn Tân Dân và xã Hương Gián;

- Xây dựng hệ thống thoát nước mặt hoàn chỉnh, thoát riêng với nước thải; tăng cường tiêu tự chảy thông qua hệ thống hồ điều hòa, hạn chế tiêu động lực;

- Khu vực nội thị cũ, quy hoạch hệ thống thoát nửa riêng. Khu vực ngoại thị, quy hoạch hệ thống thoát chung, nước thải sau khi xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn, thoát chung với nước mưa. Khu vực xây mới, quy hoạch thoát riêng hoàn toàn.

- Trạm bơm:

+Giữ nguyên công suất 03 trạm bơm: Chi Ly (20.000m³/h), Nhà Dầu (2.592m³/h), Đồng Cửa (8.000m³/h);

+Xây mới 02 trạm bơm: Cống Đầm (46.000m³/h), Cống Rụt (32.000m³/h);

+Cải tạo nâng công suất 12 trạm bơm đảm bảo hệ số tiêu: Văn Sơn (86.000m³/h), Châu Xuyên II (32.000m³/h), Xuân Hương I (40.000m³/h), Cống Sông (45.000m³/h), Cống Bún (160.000m³/h), Châu Xuyên I (20.000m³/h), Tân Tiến (32.000m³/h), Thanh Cảm (16.000m³/h), Tân Liễu (40.000m³/h), Thái Sơn 1 (6.000m³/h), Thái Sơn 2 (6.000m³/h), Thái Sơn 3 (55.000m³/h).

6.3. Định hướng cấp nước

- Điều chỉnh nguồn cấp nước từ quy hoạch dự án nhà máy nước số 2 tại xã Song Mai lấy nước sông Thương sang quy hoạch nguồn nước sạch đã qua xử lý từ Nhà máy nước sạch DNP - Bắc Giang.

- Tổng nhu cầu dùng nước theo quy hoạch mở rộng tăng lên giai đoạn 1: 67.500 m³/ngđ, giai đoạn 2: 107.000 m³/ngđ, giai đoạn 3: 135.000 m³/ngđ.

- Các công trình đầu mối: Giữ nguyên quy hoạch trạm bơm cấp 1, nhà máy nước Bắc Giang và trạm bơm tăng áp công suất giai đoạn 1: 35.000 m³/ngđ, giai đoạn 2: 50.000 m³/ngđ, giai đoạn 3 (giai đoạn mở rộng): 75.000 m³/ngđ, nguồn nước Sông Thương. Quy hoạch mới mở rộng bổ sung thêm:

+Trạm cấp nước Hương Gián giai đoạn 1: 200 m³/ngđ, nguồn nước ngầm; giai đoạn 2 sẽ là trạm hỗ trợ dự phòng;

+Trạm bơm tăng áp Tân Dân giai đoạn 1: 150 m³/ngđ, giai đoạn 2: 3.700 m3/ngđ, giai đoạn 3 giữ nguyên công suất;

+Xây dựng mới trạm bơm tăng áp + bể chứa cho khu công nghiệp Song Khê công suất giai đoạn 2: 4.000 m³/ngđ, giai đoạn 3 giữ nguyên công suất.

- Mạng lưới cấp nước: Cập nhật quy hoạch mạng lưới cấp nước theo các quy hoạch phân khu đã được phê duyệt; quy hoạch mới mở rộng bổ sung thêm đường ống truyền dẫn ∅710mm ÷ ∅1000mm lấy nước từ nhà máy nước DNP - Bắc Giang về cấp cho khu vực dân cư thành phố.

6.4. Định hướng cấp điện: Cập nhật, bổ sung quy hoạch định hướng cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc đảm bảo tiêu chuẩn đô thị loại I trực thuộc tỉnh. Tổng nhu cầu dùng điện theo tính toán đến 2035 khoảng 353MW.

- Nguồn điện: Theo Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2025 đã được phê duyệt, sẽ xây dựng mới 2 trạm 110kV mới (phù

hợp với quy hoạch):

+ Trạm 110kV Đa Mai công suất 2x40MVA, cấp điện áp 110/35/22kV đặt tại xã Đa Mai (hiện đang giải phóng mặt bằng triển khai thi công cuối 2017);

+ Trạm 110kV Nam Thành phố công suất 2x40MVA,điện áp 110/35/22kV dự kiến vị trí đặt trạm mặt đường cao tốc 1A cách sông Thương 700m;

+ Ngoài ra còn có trạm 110kV Vân Trung công suất 1x63MVA mới vận hành cấp điện cho khu công nghiệp Vân Trung và Việt Hàn.

- Lưới truyền tải và trung áp:

+ Không xét đến khả năng di dời tuyến 220kV hiện trạng. Lưới 110kV cần quyết tâm cải tạo và di dời theo các tuyến giao thông đảm bảo mỹ quan đô thị và an toàn vận hành lưới điện;

+ Xây dựng mới 2 tuyến 110kV từ trạm 220kV từ Bắc Giang đi Lục Nam và nhánh rẽ cung cấp cho trạm 110kV Đa Mai (*điều chỉnh mới so với QH 2013*);

+ Lưới trung áp: Các tuyến quy hoạch mới trong đô thị quy hoạch đi ngầm, tuyến hiện trạng sẽ từng bước hạ ngầm theo giai đoạn. Các tuyến trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp quy hoạch đi nổi để thuận tiện đấu nối.

- Trạm lưới: Khu đô thị sử dụng trạm kín kiểu xây hoặc hợp bộ để đảm bảo mỹ quan đô thị. Khu ngoại thị và công nghiệp có thể sử dụng trạm treo trên cột hoặc trạm xây tùy theo yêu cầu về mỹ quan, an toàn và điều kiện đầu tư.

- Chiếu sáng :

+ Cải tạo bổ sung hệ thống chiếu sáng đô thị cũ đạt tiêu chuẩn đô thị loại I, nâng hiệu suất sử dụng và tự động hóa;

+ Các khu xây dựng mới đảm bảo tiêu chuẩn chiếu sáng công cộng và giao thông theo tiêu chí đô thị xanh và an toàn, tiết kiệm điện.

- Thông tin liên lạc: Cập nhật quy hoạch định hướng và giải pháp ngầm hóa thuộc Đề án ngầm hóa và bó gọn dây dẫn trên địa bàn thành phố Bắc Giang được duyệt; quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc đảm bảo nhu cầu sử dụng và mỹ quan đô thị; bổ sung quy hoạch các công trình, trung tâm, trạm thông tin đầu mối tại các khu vực trong thành phố đảm bảo bán kính phục vụ.

6.5. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang: Cơ bản tuân thủ các định hướng Quy hoạch 2013 đã duyệt, điều chỉnh bổ sung một số nội dung sau:

a) Quy hoạch thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước thải dự kiến là hệ thống thoát nước hỗn hợp bao gồm: hệ thống thoát nước nửa riêng và hệ thống thoát nước riêng.

- Toàn bộ phạm vi nghiên cứu quy hoạch được chia thành hai lưu vực lớn là lưu vực Đông sông Thương và lưu vực Tây sông Thương, trong đó:

+ Lưu vực Đông sông Thương được chia thành 4 lưu vực nhỏ E1, E2, E3, E4.

* Nhà máy xử lý nước thải đô thị SH1 (đã có) với công suất sau khi mở rộng diện tích, nâng cấp đạt 30.000 m^3/ngđ;

* Dự kiến quy hoạch nhà máy xử lý nước thải SH2 tại thị trấn Tân Dân công suất 4000 m^3/ngđ;

* Dự kiến nhà máy xử lý nước thải đô thị SH3 công suất 5000 m^3/ngđ.

+Lưu vực Tây sông Thương được chia thành 4 lưu vực nhỏ W1, W2, W3 và W4

*Dự kiến nhà máy xử lý nước thải đô thị SH4 có công suất 7500 m^3/ngđ;

*Dự kiến nhà máy xử lý nước thải đô thị SH5 công suất 10.000 m^3/ngđ;

*Dự kiến nhà máy xử lý nước thải đô thị SH6 công suất 4000 m^3/ngđ.

b) Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn (CTR):

- CTR đô thị phải được phân loại tại nguồn thải thành các chất hữu cơ và vô cơ trước khi thu gom, vận chuyển đến khu xử lý CTR của thành phố;

- Ưu tiên xây dựng nhà máy xử lý CTR với công nghệ hiện đại, công suất 500 tấn/ngày tại bãi chôn lấp CTR Đa Mai hiện nay (tỷ lệ CTR chôn lấp đạt thấp hơn 10% khối lượng thu gom);

- Đến năm 2035, trong phạm vi toàn tỉnh định hướng quy hoạch và xây dựng 02 khu liên hợp xử lý CTR cấp vùng tỉnh, có diện tích khoảng 40-50ha, với công nghệ xử lý hiện đại. Vị trí khu liên hợp xử lý CTR cấp vùng tỉnh này đã được xác định trong đồ án quy hoạch xây dựng chuyên ngành quản lý CTR vùng tỉnh Bắc Giang.

c) Quy hoạch nhà tang lễ và nghĩa trang: Tuân thủ theo quy hoạch nghĩa trang của tỉnh;

- Dự kiến xây dựng mới 2 nhà tang lễ cho thành phố (01 ở phía Đông và 01 phía Tây sông Thương), có diện tích khoảng 10.000m^2;

- Từng bước dừng chôn cất mới tại nghĩa trang Tân An. Tại nghĩa trang này sẽ cải tạo, trồng thêm cây xanh và chôn cát táng;

- Cải tạo, chỉnh trang, tăng cường diện tích cây xanh tại một số nghĩa trang hiện có trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch tại các xã thuộc huyện Yên Dũng, Việt Yên, Lạng Giang.

7. Chương trình hóa các mục tiêu cải tạo và xây dựng đô thị: Quan tâm đến các dự án để phát triển thành phố Bắc Giang đạt chỉ tiêu đô thị loại I:

- Xây mới các tuyến giao thông giúp tăng chỉ tiêu tỷ lệ đất GT so với đất xây dựng đồng thời tăng mật độ đường cống TN chính (km/km^2) đáp ứng yêu cầu;

- Xây dựng trạm điện 110/22 KV nhằm tăng chỉ tiêu điện SH (kwh/người/năm);

- Dự án nhà máy xử lý rác sẽ đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu tỷ lệ CT nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn (%) và góp phần tăng tỷ lệ CTR sinh

hoạt được thu gom (%);

- Dự án cải tạo hệ thống cây xanh, vườn hoa thành phố; Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống chiếu sáng đô thị. Chắc chắn sẽ nâng tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị trên tổng số trục phố chính (%) đáp ứng tiêu chuẩn đô thị loại 1;

- Dự án xây dựng hệ thống thoát nước thải và nhà máy xử lý nước thải SH5 đáp ứng chỉ tiêu mật độ đường cống chính và chỉ tiêu tỷ lệ nước thải được xử lý;

- Các dự án chỉnh trang và phát triển đô thị.

8. Các nội dung khác: Theo Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch đã thẩm định.

Điều 2.UBND thành phố Bắc Giang có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến quy hoạch được duyệt theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang; Chủ tịch UBND các huyện: Việt Yên, Yên Dũng, Lạng Giang và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Bộ Xây dựng (B/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các PTC UBND tỉnh;
- Phòng QHKT- Sở Xây dựng (Lưu Hồ sơ);
- VP UBND tỉnh:
+LĐVP, TTTT, Các phòng Cv;
+Lưu: VT, XD.Linh (2).

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Lại Thanh Sơn